TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **31**/2019/HC-PT
Ngày 22 tháng 3 năm 2019
V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2018 về *"Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Hoàng Q** và bà **Hoàng Thị H**; Địa chỉ: tỉnh Quảng Bình (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư **Dương Mênh M** - Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ: tỉnh Quảng Bình (có mặt).

2. Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình**; Địa chỉ: thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quang L**, chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Thiếu S**, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình (văn bản ủy quyền số 52/GUQ-UBND, ngày 16/01/2019) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình*:* Ông **Trần Trung L**, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Lê Thị N**; Địa chỉ: thị xã B, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Thúy H1**; Địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế (theo giấy ủy quyền ngày 30/7/2018) (có mặt).

3.2. **Ngân hàng TMCP X Việt Nam**; Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần X chi nhánh Quảng Bình; Địa chỉ: tỉnh Quảng Bình do ông Nguyễn Trung T đại diện (vắng mặt).

3.3. Ông **Lê M**, trú tại: thị xã B, tỉnh Quảng Bình (có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện trình bày: Năm 1997, Nhà nước có chủ trương lập làng mới trên cạn cho 46 hộ dân vạn đò, vợ chồng ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H là một trong 46 hộ dân được UBND xã Q làm thủ tục đề nghị UBND huyện Q (cũ) cấp đất ở. Sau khi làm xong thủ tục, ngày 10/7/1997 UBND xã Q đã lập danh sách đề nghị UBND huyện Q (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 46 hộ. Ngày 03/4/2000 Phòng địa chính huyện đã kiểm tra, xác nhận và UBND huyện đã có quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 46 hộ. Tại thời điểm làm thủ tục xét và giao đất ở, ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H đi làm ăn xa nên nhờ dì ruột của ông Q là bà Hoàng Thị K (mẹ của Lê Thị N) lúc đó đang làm cán bộ phụ nữ thôn làm giúp hồ sơ cấp đất. Trong danh sách được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích ông Hoàng Q được cấp là 100m^2, thuộc tờ bản đồ số 4, thửa 286 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L716.186 cấp ngày 11/7/2000, số quyết định cấp là 366/QĐUB ngày 11/4/2000. Đến nay 45 hộ đã được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng gia đình ông Hoàng Q vẫn không được giao theo quyết định. Tháng 8 năm 2017, sau khi đi làm ăn xa trở về, vợ chồng ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H đã làm đơn kiến nghị lên UBND xã, UBND xã đã thành lập tổ kiểm tra thì bà H mới biết được mảnh đất huyện đã cấp cho gia đình ông Hoàng Q hiện nay bà Lê Thị N (con gái bà Hoàng Thị K) lại có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng với vị trí tại tờ bản đồ số 4, số thửa 286, diện tích 100m^2. Hiện tại không có hồ sơ cấp đất cho bà N. Vì vậy, ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị N, đồng thời yêu cầu UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đó cho vợ chồng ông để vợ chồng ông làm nhà ở.

Người bị kiện, tại Công văn số 646/UBND ngày 30/7/2018 của UBND thị xã B có ý kiến như sau: Qua việc kiểm tra, rà soát tại kho lưu trữ Chi nhánh Văn phòng đăng kí đất đai thị xã B không tìm thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng Q (vợ Hoàng Thị H) và hồ sơ cấp giấy chứng nhận của bà Lê Thị N. Theo kết quả thu thập hồ sơ có liên quan chỉ có bản sao chứng thực bản sao đúng với bản chính của Công chứng viên Lê Hương Trà tại số chứng thực 1117, quyển số 01/2018 SCT/BS của Văn phòng Công chứng N với GCN mang tên bà Lê Thị N tại thửa đất số 286, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 đất ở lâu dài, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K120055, số vào sổ cấp GCN 00010 QSDĐ do UBND huyện Q cấp ngày 11/4/1997. Tại phiên đối thoại ngày 31/7/2018 đại diện theo ủy quyền ông Đinh Thiếu S trình bày: Trước khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị N thì thửa đất này là đất nuôi trồng thủy sản của ông Lê M (bố của bà Lê Thị N), năm 2000 cấp cho ông Hoàng Q (vợ Hoàng Thị H) nhưng hồ sơ cấp đất không có và theo bản đồ 2017 về cơ sở dữ liệu địa chính phản ánh người sử dụng thửa đất trên là ông Lê M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N: Tại văn bản ngày 18/6/2018, bà N trình bày: Ngày 11/4/1997 UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã cấp cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K120055, tờ bản đồ số 04, số thửa 286 với diện tích 100m^2 đất ở lâu dài ở xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình). Hơn 20 năm bà sử dụng thửa đất trên và thực hiện các nghĩa vụ đầy đủ. Đến năm 2018 ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H đã gửi đơn kiến nghị lên UBND xã Q và khởi kiện tại Tòa án bà thấy không có cơ sở. Tại phiên đối thoại ngày 31/7/2018 đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày: nguồn gốc của thửa đất này là của bà ngoại bà N sử dụng từ năm 1968, đến năm 1986 để lại cho ông Lê M (bố bà N). Năm 1997 được cấp cho bà Lê Thị N, ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H cho rằng thửa đất đó được cấp cho ông bà nhưng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H là không có căn cứ.

Đại diện Ngân hàng X Việt Nam chi nhánh Quảng Bình: Năm 2015 bà Lê Thị N có ký hợp đồng thế chấp vay vốn tại Ngân hàng trong đó có thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 286, tờ bản đồ số 04 tại xã Q, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị N. Hiện tại tài khoản vay của bà N tại Ngân hàng X dư nợ 300.000.000 đồng, với tài sản thế chấp là hai thửa đất, trong đó có thửa 286 các bên đang tranh chấp. Khi vay vốn Ngân hàng chỉ thẩm định tài sản thực tế còn về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hay không đúng Ngân hàng không có thẩm quyền xem xét. Vì vậy Ngân hàng đề nghị các bên có phương án giải quyết hợp lý để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Với nội dung trên, tại bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 30 và khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính, khoản 1 Điều 2, Điều 13, Điều 19 Điều 36 Luật đất đai 1993; Điều 19, Điều 36 Luật đất đai năm

1998, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H về yêu cầu hủy giấy chứng nhận đất số K120055 ngày cấp 11/4/1997 cho bà Lê Thị N của UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình). UBND thị xã B có trách nhiệm cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H tại thửa đất 194, tờ bản đồ số 8 thôn Văn Phú theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định hành chính về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Q cho bà. Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Thúy H1 đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của vợ chông ông Q bà H.

Người khởi kiện ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng việc cấp đất cho 46 hộ dân vạn đò là có thật. Đến nay 45 hộ đã nhận được giấy CNQSDĐ, riêng ông Q bà H chưa được nhận là do mẹ bà N nhận thay mà không chịu giao lại, nên yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ của bà N để UBND thị xã B cấp lại giấy CNQSD cho ông Q bà H.

Đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã B, ông Đinh Thiếu S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Trần Trung L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị N, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Q bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án này có ông Lê Quang M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khiếu nại Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông tham gia tố tụng, quá trình thụ lý không triệu tập, nhưng bản án lại ghi tên ông. Tại phiên tòa hôm nay ông gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H cho rằng vợ chồng ông bà được UBND xã Q làm thủ tục đề nghị UBND huyện Q (nay là B) cấp đất ở và UBND huyện ban hành quyết định số 366/QĐUB ngày 11/4/2000 cấp cho vợ chồng bà 100m^2, thuộc tờ bản đồ số 4, thửa 286 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L716.186 ngày 11/7/2000. Tuy nhiên hiện nay ông bà phát hiện bà Lê Thị N lại có giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số K 120055 do UBND huyện Q cấp ngày 11/4/1997 trùng với vị trí tại tờ bản đồ số 4, số thửa 286, diện tích 100m^2 của ông bà. Vì vậy, ông bà yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm, đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị N, yêu cầu UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đó cho vợ chồng ông bà. Chứng cứ ông bà cung cấp gồm có danh sách đề nghị cấp đất của UBND xã Q ngày 10/7/1999 nhưng là bản sao không có chứng thực.

[2.2] Người bị kiện là UBND thị xã B trình bày nguồn gốc là đất nuôi trồng thủy sản của ông Lê M (bố của bà Lê Thị N), cũng trên thửa đất đó ngày 11/4/1997 UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K120055 cho bà Lê Thị N có số thửa 286, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 đất ở lâu dài và ngày 11/7/2000 UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L716.186 cho vợ chồng ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H có số thửa 286, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2. Qua kiểm tra tại kho lưu trữ Chi nhánh Văn phòng đăng kí đất đai thị xã B cũng như các cơ quan chức năng khác, không tìm thấy hồ sơ lưu trữ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng Q cũng như cho bà Lê Thị N.

[2.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày: Nguồn gốc của thửa đất này là của bà ngoại bà là bà Hoàng Thị Lơn sử dụng từ năm 1968, đến năm 1986 để lại cho bố bà là ông Lê M sử dụng. Ngày 11/4/1997 UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã cắt 100m^2 đất ở lâu dài cấp cho bà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K120055, tờ bản đồ số 04, số thửa 286 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình). Hơn 20 năm bà sử dụng thửa đất trên và thực hiện các nghĩa vụ thuế đầy đủ, do điều kiện khó khăn bà ở chung với cha mẹ nên sử dụng thửa đất làm bếp nấu ăn cho gia đình. Nay ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H cho rằng thửa đất đó được cấp cho ông bà nhưng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H là không có căn cứ, bà không chấp nhận hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị N: Tại phiên tòa phúc thẩm bà N có xuất trình bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K120055, ngày 11/4/1997, thấy rằng thời gian bà N được cấp giấy trước ngày 10/7/1999 là thời gian vợ chồng ông Q bà H được lập danh sách đề nghị cấp đất là hơn 02 năm. Hơn nữa toàn bộ hồ sơ thủ tục cấp đất cho ông Q bà H hiện nay chỉ có bản sao không có chứng thực, vì ông Q bà H cũng như các cơ quan lưu trữ không cung cấp được bản chính theo quy định tại khoản 1 Điều 82 luật tố tụng hành chính. Mặt khác, từ năm 1999 đến nay ông Q bà H cũng không trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất trên như bà N, nên không có cơ sở để cho rằng thửa đất trên là của ông Q bà H. Hiện nay cũng chưa có cơ sở nào chứng minh rằng giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà N là không đúng pháp luật hoặc giả mạo. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q bà H để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N mà cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà N bác yêu cầu khởi kiện của ông Q bà H.

[4] Ngoài ra ngày 27/12/2018 ông Lê Quang M là cha của bà N gửi đơn cho rằng ông được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng đến ngày 15/11/2018 khi nhận được bản án sơ thẩm ông mới biết. Trong quá trình thụ lý giải quyết Tòa án không thông báo, triệu tập, đối thoại và tham dự phiên tòa, trong quyết định xét xử không có tên ông. HĐXX xét thấy ông M cùng với bà N là người đang quản lý sử dụng 100m^2 đất tờ bản đồ số 04, số thửa 286 từ trước đến nay (hiện ông kê khai đăng ký ngày 31/7/2018 theo bản đồ số 8 năm 2017 là 192,6m^2, số thửa 294), nhưng Tòa án cấp sơ không triệu tập ông đến tham gia tố tụng mà chỉ để tên ông trong bản án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên việc vi phạm này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông khi mà Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Q bà H. Còn việc hiện nay ông M đăng ký kê khai, nếu bà N có tranh chấp thì Tòa án sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[5] Từ những nhận định trên, thấy có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị N, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, không chấp nhận đơn kiện của ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Người khởi kiện không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Người bị kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Người kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 348 và 349 Luật Tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H về yêu cầu hủy giấy chứng nhận đất số K120055 ngày cấp 11/4/1997 cho bà Lê Thị N của UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình).

2. Về án phí:

- Ông Hoàng Q và bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Ông Q bà H đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí tại biên lai thu số 4513 ngày 04/6/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình (ông Q bà H đã nộp đủ tiền án phí).

- Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Lê Thị N không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm, hoàn lại cho bà N 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 5108 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/3/2019).

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường